

Bản án số: 578/2022/HS-PT
Ngày: 26-12-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Cường

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Tấn Trường
ông Lê Phước Thanh

- Thư ký phiên tòa: bà Dương Thị Tuyết Trinh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Chiến, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 367/2022/TLPT-HS ngày 30 tháng 8 năm 2022 đối với các bị cáo Hoàng Ngọc T, Phạm Nguyễn Tấn P về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; Nguyễn Văn Đ về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. Do Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2022/HS-ST ngày 25/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

*** Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Hoàng Ngọc T; Tên gọi khác: không; Sinh ngày: 11/02/1990 tại Thanh Hóa; Nơi ĐKNKTT: tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Hoàng N H và bà Phan Thị D, gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ 3.

Tiền án: Ngày 06.6.2013, bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam xử phạt 8 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy quy định tại Khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự, chấp hành xong hình phạt tù ngày 12.10.2019; Tiền sự: Chưa.

Nhân thân: Ngày 26.10.2007, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Cướp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 133 Bộ luật hình sự; Ngày 14.01.2009, bị Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 15 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Ngày 12/10/2022, bị Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xử phạt: Tử hình, về tội: “Vận chuyển trái phép chất Ma túy”. Bị cáo kháng cáo và Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đang thụ lý để xét xử phúc thẩm (Bị cáo khai tại phiên tòa).

Hiện bị cáo đang bị tạm giam trong một vụ án khác từ ngày 11/5/2021, tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa, có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Nguyễn Tấn P; Tên gọi khác: không; Sinh ngày: 21/4/1993 tại Đà Nẵng; Nơi ĐKNKTT: thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 9/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Phạm Đình D và bà Nguyễn Thị Đ; gia đình có 04 anh em.

Tiền án: Chưa; Nhân thân: Ngày 22/01/2015 bị Tòa án nhân dân quận H, TP Đà Nẵng xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự, chấp hành xong hình phạt ngày 24/01/2016.

Tiền sự: 05 lần bị tập trung cai nghiện bắt buộc. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 05/7/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam H, Công an TP Đà Nẵng, có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Văn Đ; Tên gọi khác: Tèo; Sinh ngày: 18/12/1999 tại Thanh Hóa; Nơi ĐKNKTT: tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị L; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Tiền án, tiền sự: Chưa; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/01/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Hòa Sơn, Công an TP Đà Nẵng, có mặt tại phiên tòa.

** Người bào chữa theo yêu cầu của Tòa án:*

- **Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Ngọc T:** ông Nguyễn Tấn B, Luật sư thuộc Đoàn Luật sư TP Đà Nẵng, có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo Phạm Nguyễn Tấn P:** ông Bùi Xuân N, Luật sư thuộc Đoàn Luật sư TP Đà Nẵng, có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Đ:** ông Thái Quốc V, Luật sư thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng, có mặt.

** Người bào chữa theo yêu cầu của bị cáo:*

- **Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Đ:** ông Nguyễn Đình G, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư G và Cộng sự, Đoàn luật sư tỉnh Thái Bình. Địa chỉ: thành phố Hà Nội, có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Lê Bảo N, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nhận được tin báo của quần chúng nhân dân về việc có 01 nam thanh niên mang ba lô màu đen, đội mũ lưỡi trai đen có biểu hiện nghi vấn tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy. Lúc 23 giờ 45 phút ngày 28.01.2021, Công an quận S, thành phố Đà Nẵng tiến hành kiểm tra số nhà 53, P, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng phát hiện có 01 nam thanh niên mang ba lô màu đen, đội mũ lưỡi trai đen đứng trước cổng và có 01 nam thanh niên từ trong nhà ra mở cổng cho người thanh niên mang ba lô đi vào nhà và đặt chiếc ba lô xuống sát cổng bên trái hướng từ bên ngoài nhìn vào. Đồng thời lúc này người thanh niên trong nhà đã đẩy chiếc ba lô xuống gầm lòng chim sát cửa cổng rồi dắt xe ra. Khi người thanh niên trong nhà vừa dắt xe ra đến cổng thì bị Công an quận S kiểm tra, thu giữ chiếc ba lô màu đen và tạm giữ tang vật bên trong chiếc ba lô, gồm:

- 03 gói ni long kích thước (11x15) cm bên trong có chứa tinh thể rắn màu trắng, ký hiệu N1;

- 01 gói ni lông kích thước (15x10x6)cm bên trong có chứa tinh thể rắn màu trắng ký hiệu N2;

- 01 gói ni long màu xanh có biểu tượng 05 hình ngôi sao kích thước (17x7x8) cm bên trong có chứa dạng tinh thể rắn màu trắng ký hiệu N3;

- 01 gói ni long màu vàng kích thước (14x16x7) cm bên trong có chứa dạng tinh thể rắn màu trắng ký hiệu N4;

- 01 gói ni long màu đỏ bên trong có chứa 196 viên nén màu hồng và 02 viên màu xanh lá ký hiệu N5;

- 01 gói ni long màu xanh bên trong có chứa 132 viên nén màu hồng ký hiệu N6;

- 01 gói ni long có chứa 301 viên nén màu vàng và màu xanh dương đều là hình tròn có răng cưa, ký hiệu N7;

- 01 gói ni long bên trong có chứa 405 viên nén màu hồng và màu xanh lá đều là hình tròn răng cưa, ký hiệu N8;

- 01 gói ni long có chứa 300 viên nén màu xanh lá đều là hình tròn răng cưa, ký hiệu N9;

- 01 gói ni long màu đỏ bên trong có chứa 504 viên nén màu hồng và màu xanh lá đều là hình tròn răng cưa, ký hiệu N10.

- 01 điện thoại di động oppo màu đen gắn sim số 0388072095, 0866813886;

- 01 điện thoại di động Iphone màu vàng không gắn sim;

- 01 điện thoại di động màu trắng mang số sim 0931439168, 0905691387;

- 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn Đ, 01 Chứng minh nhân dân mang tên Lê Bảo N;

- 01 ba lô màu đen;
- 01 đồng hồ đeo tay bằng kim loại màu vàng nhãn hiệu Aiyishi;
- 01 ví da màu đen bên trong có chứa 200.000 đồng (02 tờ mệnh giá 100.000 đồng) thu giữ Nguyễn Văn Đ.
- 01 ví da màu nâu bên trong có chứa số tiền 3.900.000 đồng (07 tờ mệnh giá 500.000 đồng, 02 tờ mệnh giá 200.000 đồng) thu giữ của Lê Bảo N.
- 01 quần đùi màu đen có ghi chữ tiger;
- 01 quần đùi màu đen size M;
- 01 áo thun màu xanh lơ có ghi chữ ADIDAS;
- 01 áo thun màu van size M có ghi chữ woody elle;
- 01 áo thun màu đỏ có ghi chữ tiger;
- 01 áo thun màu vàng có ghi chữ cieris

Tại kết luận giám định số: 48/GĐ-MT ngày 09.02.2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Đà Nẵng, kết luận:

- Tinh thể màu trắng trong các gói niêm phong ký hiệu N1, N3 gửi giám định là ma túy, loại ketamine; khối lượng mẫu N1: 800,56 gam; mẫu N3: 983,02 gam.

- Tinh thể màu trắng trong các gói niêm phong ký hiệu N2, N4 và các viên nén trong các gói niêm phong ký hiệu N5a, N5b, N6, N8a, N9, N10a, N10b gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine; khối lượng mẫu N2: 662,70 gam; mẫu N4: 953,70 gam; mẫu N5a: 19,443 gam; mẫu N5b: 0,214 gam; mẫu N6: 13,009 gam; mẫu N8a: 146,37 gam; mẫu N8b: 22,090 gam; mẫu N9: 125,78 gam; mẫu N10a: 103,40 gam; mẫu N10b: 107,26 gam.

- Các viên nén trong các gói niêm phong ký hiệu N7a, N7b gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine và ketamine; khối lượng mẫu N7a: 92,307 gam; mẫu N7b: 45,070 gam.

Tổng khối lượng ma túy loại Methamphetamine là 2.153,966gam; tổng khối lượng ma túy loại Katemine là 1.783,56gam; tổng khối lượng ma túy hỗn hợp Methamphetamine và Katemine là 137,377gam.

Tại Kết luận giám định số 201/C09-Đ1 ngày 02.3.2021 của Viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng, kết luận:

- Dữ liệu lưu trữ trong máy tìm thấy:
 - + 245 tin nhắn SMS (231 tin nhắn gửi đến, 13 tin nhắn gửi đi, 01 tin nhắn không gửi được).
 - + 154 tin nhắn iMessage (84 tin nhắn gửi đến, 69 tin nhắn gửi đi, 01 tin nhắn không gửi được).
 - + 167 cuộc gọi (88 cuộc gọi đến, 79 cuộc gọi đi).

- + 26 cuộc gọi trong ứng dụng Facetime (11 cuộc gọi đến, 15 cuộc gọi đi).
- + 24 cuộc gọi trong ứng dụng Telegram (11 cuộc gọi đến, 13 cuộc gọi đi).
- + 54 hội thoại tin nhắn trong ứng dụng Facebook Messenger.
- + 11 hội thoại tin nhắn trong ứng dụng Zalo.

- Dữ liệu lưu trữ trong SIM (trên sim có dãy số và chữ: “8401181133028109 WD”) tìm thấy:

- + 02 tin nhắn SMS gửi đến.
- + 01 cuộc gọi đi.

Kèm theo kết luận giám định: 01 Phụ lục gồm 52 trang giấy A4 và 01 đĩa CD-R có dung lượng dữ liệu: 5,29 MB (5,553,340 bytes) trên mặt đĩa có chữ ký, chữ viết giám định viên.

Quá trình điều tra xác định:

Hoàng Ngọc T, Lê Bảo N và Phạm Nguyễn Tấn P quen biết nhau khi chấp hành án tại trại giam A - Bộ Công an. Sau khi ra tù đến khoảng giữa tháng 01 năm 2021, T, N và P gặp nhau, T đề nghị N thay mặt T bán ma túy cho P rồi T sẽ chia tiền cho N (không nói cụ thể sẽ chia tiền cho N là bao nhiêu). Đến khoảng ngày 17.01.2021 để có tiền tiêu dùng cá nhân N đồng ý với T và thực hiện việc mua bán trái phép chất ma túy với P, cụ thể:

- Vào khoảng ngày 17.01.2021, P điện thoại cho N hỏi mua 100 viên ma túy thuốc lắc. N điện thoại cho T thông báo nhưng T không đồng ý bán ma túy cho P trong lần này.

- Vào khoảng ngày 22 tháng 01 năm 2021 một người phụ nữ tên V (không rõ nhân thân lai lịch) điện thoại cho Phạm Nguyễn Tấn P hỏi mua 200 gam ma túy đá. P đồng ý và điện thoại cho Lê Bảo N hỏi thì N nói P đợi. N điện thoại cho T báo nội dung “P hỏi mua 200 gam ma túy đá” thì T báo giá cho N là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). N điện thoại lại cho P báo giá 200 (hai trăm) gam ma túy đá là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) và yêu cầu P phải chuyển tiền trước cho N, P điện thoại lại thông báo cho V biết giá là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) và nói V đưa tiền trước cho P để mua, V đồng ý và đã đưa cho P nhiều đợt với tổng số tiền là 22.000.000đ (hai mươi hai triệu đồng), khi nào nhận được ma túy thì V sẽ đưa thêm 8.000.000đ (tám triệu đồng) và hứa sẽ cho P ma túy đá để sử dụng hoặc cho tiền P. Sau khi nhận tiền từ V theo yêu cầu của N, P đã bỏ thêm vào 2.950.000đ (hai triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng) và chuyển cho N tổng số tiền là 24.950.000đ (hai mươi bốn triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng) để mua 200 gam ma túy đá, Cụ thể:

- Ngày 25.01.2021, P đến tiệm điện thoại “N L” thành phố Đà Nẵng đưa 7.000.000đ (bảy triệu đồng) yêu cầu chủ tiệm điện thoại là Nguyễn Thị N L (sinh năm 1983, trú Đà Nẵng) chuyển vào số tài khoản 030072972240 của Hoàng Ngọc T, chị L đồng ý, nhận tiền và dùng số tài khoản 19022035112019

chuyển vào số tiền là 7.000.000đ (bảy triệu đồng) với nội dung diễn giải là “Phat”.

- Chuyển vào số tài khoản 19034193211014 của Phạm Thị Thu H (vợ N, sinh năm 1997, trú Thừa Thiên Huế) các lần gồm:

+ Ngày 25.01.2021 P dùng tài khoản Momo đăng ký số điện thoại của P là 0905884645 chuyển vào số tiền là 5.000.000đ (năm triệu đồng);

+ Ngày 26.01.2021, P nhờ một người bạn (quen biết ngoài xã hội P không rõ nhân thân lai lịch) chuyển vào số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng);

+ Ngày 26.01.2021, P dùng tài khoản Momo đăng ký số điện thoại của P là 0905884645 chuyển vào số tiền là 1.950.000đ (một triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng).

+ Ngày 26.01.2021, P đến tiệm điện thoại “N L” thành phố Đà Nẵng đưa 4.000.000đ (bốn triệu đồng) yêu cầu chủ tiệm điện thoại là Nguyễn Thị N L chuyển vào số tài khoản 19034193211014, chị L đồng ý, nhận tiền và dùng số tài khoản 19022035112019 chuyển vào số tiền là 4.000.000đ (bốn triệu đồng) với nội dung diễn giải là “Phat”.

Số tiền còn lại P chưa chuyển cho N mà nhắn tin liên tục hứa sẽ chuyển. Mục đích khi nhận được ma túy đá từ N lúc đó P mới chuyển tiền đủ.

Để chuyển ma túy vào cho N, khoảng 19 giờ ngày 27.01.2021, Hoàng Ngọc T rủ Nguyễn Văn Đ vào thành phố Đà Nẵng chơi, Đ đồng ý. Đến khoảng 9 giờ 30 ngày 28.01.2021, T đi taxi đến nhà đón Đ, Đ lên xe cầm theo ba lô quân áo, T nói Đ đưa ba lô cho T. T lấy ma túy bỏ vào trong ba lô cho Đ và đưa cho Đ 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng) nói Đ đi một mình vào Đà Nẵng trước, T sẽ vào sau. Đ đồng ý và đón xe vào Đà Nẵng. Khi xe đến địa phận tỉnh Thừa Thiên Huế, T điện thoại cho Đ nói Đ cất kỹ đồ trong ba lô và hứa với Đ khi về lại Thanh Hóa sẽ cho Đ vài chục triệu (không nói rõ số tiền là bao nhiêu) để trả nợ. Lúc này, Đ biết đồ trong ba lô T bỏ vào là ma túy nhưng để có tiền trả nợ Đ vẫn tiếp tục vận chuyển ma túy vào Đà Nẵng giúp T. Khi xe dừng để ăn uống tại tỉnh Thừa Thiên Huế thì Đ điện thoại báo cho T và được T yêu cầu Đ vào Đà Nẵng xuống bùng binh đầu tiên sau khi qua hầm Hải Vân sẽ có người đến đón Đ. Sau đó, T sử dụng zalo mang tên “N Hoàng T” liên lạc với Lê N P (là lái xe grab, sinh năm 1991; Trú: thành phố Đà Nẵng) đặt xe, cho số điện thoại Đ và yêu cầu đến chờ Đ tại bùng binh đầu tiên gần hầm H. Khi xe đến bùng binh Đ xuống xe và được P đón chở về số 53 đường P, thành phố Đà Nẵng. Khi đến nơi, Đ điện thoại thông báo cho T đã đến. T điện thoại nói N gặp Đ nhận ma túy và chở Đ đến khách sạn S, thành phố Đà Nẵng để Đ nghỉ lại đợi T vào. N đồng ý ra mở cửa cho Đ vào, Đ để ba lô xuống bên cạnh chuồng chim trong nhà N, N dùng chân đẩy ba lô xuống dưới chuồng chim và lấy xe chở Đ đi khách sạn thì bị bắt quả tang và thu giữ toàn bộ số ma túy mà Đ vận chuyển giúp T từ Thanh Hóa vào Đà Nẵng cho N.

Đến ngày 29.01.2021, P vẫn chưa nhận được ma túy từ N, khi được Công an mời về làm việc lúc này P biết N đã bị bắt nên dừng việc chuyển tiền mua ma túy cho N và không được V trả công.

Ngoài ra, vào khoảng ngày 27.01.2021 một người đàn ông tên Việt (không rõ nhân thân, lai lịch) điện thoại nhờ P mua giúp mua 01kg ma túy đá. P đồng ý điện thoại cho N hỏi mua 01kg ma túy đá và nói đây là mua giúp người khác. N điện thoại nói cho T biết, T đồng ý bán cho P với giá 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng) và cho P lại “một dem” tức 10.000.000đ (mười triệu đồng). P đồng ý và thông báo lại cho Việt 01kg ma túy đá với giá 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng). Sau khi báo giá thấy Việt không thật sự muốn mua ma túy nên P đã liên lạc lại với N để hủy không mua 01 kg ma túy đá nữa. N đồng ý và thông báo lại cho T biết.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2022/HS-ST ngày 25/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Hoàng Ngọc T và Phạm Nguyễn Tấn P phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”.

- Căn cứ: Điểm h khoản 4 Điều 251, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 2 Điều 51, Điều 40 Bộ luật hình sự; Xử phạt: Hoàng Ngọc T Tử hình về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Căn cứ: Điểm h khoản 4 Điều 250, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 40 Bộ luật hình sự; Xử phạt: Nguyễn Văn Đ Tử hình về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”.

- Căn cứ khoản 4 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tiếp tục tạm giam bị cáo Hoàng Ngọc T và Nguyễn Văn Đ để đảm bảo việc thi hành án.

- Căn cứ: Điểm b khoản 4 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự; Xử phạt: Phạm Nguyễn Tấn P 20 (Hai mươi) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giam ngày 05/7/2021.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Lê Bảo N (tù Chung thân, về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”); quyết định về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp, án phí hình sự sơ thẩm và công bố quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/7/2022, bị cáo Nguyễn Văn Đ có đơn kháng cáo; ngày 30/7/2022, bị cáo Phạm Nguyễn Tấn P có đơn kháng cáo và ngày 08/8/2022, bị cáo Hoàng Ngọc T có đơn kháng cáo. Các bị cáo đều kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm a Khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hoàng Ngọc T, Nguyễn Văn Đ và Phạm Nguyễn Tấn P, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt.

Luật sư Bùi Xuân N bào chữa cho bị cáo Phạm Nguyễn Tấn P, cho rằng quá trình điều tra, bị cáo P đã khai báo với cơ quan Công an phát hiện và bắt giữ 4 vụ án ma túy và có xác nhận của cơ quan Công an, do đó đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, từ đó giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

Luật sư Nguyễn Tấn B bào chữa cho bị cáo Hoàng Ngọc T, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm hình phạt cho bị cáo, vì bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ.

Luật sư Nguyễn Đình G bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Đ đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm án cho bị cáo, vì bị cáo tuổi đời còn quá trẻ, gia đình có nhiều người được Nhà nước tặng thưởng Huân, Huy chương kháng chiến, có thân nhân gia đình là Liệt sỹ.

Luật sư Thái Quốc V đồng ý như quan điểm của luật sư Nguyễn Đình G, đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho bị cáo Nguyễn Văn Đ.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm án cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở các chứng cứ tài liệu đã được kiểm tra, tranh tụng tại phiên tòa, xem xét ý kiến của Luật sư và quan điểm của Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bị cáo Hoàng Ngọc T, Nguyễn Văn Đ, Phạm Nguyễn Tấn P thừa nhận hành vi và tội danh như Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là đúng, chỉ giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Nguyễn Văn Đ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm cho bị cáo vì nếu bị cáo biết được số lượng ma túy lớn như vậy thì bị cáo sẽ không thực hiện.

[2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Hoàng Ngọc T thừa nhận hành vi đã bỏ ma túy vào ba lô của bị cáo Nguyễn Văn Đ để Đ mang vào Đà Nẵng giao cho bị cáo N để bán kiếm lời và khi Đ đến Huế đã biết là ma túy nên đã gọi điện thoại cho bị cáo T; bị cáo Nguyễn Văn Đ thừa nhận đã mang “gói hàng này” trong ba lô nhưng cho rằng không biết được khối lượng cũng như chủng loại ma túy trong ba lô cho đến khi bị bắt giữ; bị cáo P cho rằng chỉ là người đi mua giùm chưa kịp nhận ma túy thì đã bị phát giác. Nhưng căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa; tang vật chứng thu giữ, kết luận giám định về ma túy; các biên bản nhận dạng, biên bản đối chất, các dữ liệu điện tử, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định như sau:

Hoàng Ngọc T, Lê Bảo N và Phạm Nguyễn Tấn P quen biết nhau khi chấp hành án tại trại giam A - Bộ Công an. Sau khi ra tù đến khoảng giữa tháng 01 năm 2021, T, N và P gặp nhau, T đề nghị N thay mặt T bán ma túy cho P rồi T sẽ chia tiền cho N. Đến khoảng ngày 17.01.2021 để có tiền tiêu dùng cá nhân N đồng ý với T và thực hiện việc mua bán trái phép chất ma túy với P. Cụ thể:

- Vào khoảng ngày 17.01.2021, P điện thoại cho N hỏi mua 100 viên ma túy thuốc lắc. N điện thoại cho T thông báo nhưng T không đồng ý bán ma túy cho P trong lần này.

- Vào khoảng ngày 22 tháng 01 năm 2021 một người phụ nữ tên V (không rõ nhân thân, lai lịch) điện thoại cho Phạm Nguyễn Tấn P hỏi mua 200 gam ma túy đá. P đồng ý và điện thoại cho Lê Bảo N hỏi thì N nói P đợi. N điện thoại cho T báo nội dung “P hỏi mua 200 gam ma túy đá” thì T báo giá cho N là 30.000.000đ. N điện thoại lại cho P báo giá 200 gam ma túy đá là 30.000.000đ và yêu cầu P phải chuyển tiền trước cho N, P điện thoại lại thông báo cho V biết giá là 30.000.000đ và nói V đưa tiền trước cho P để mua, V đồng ý và đã đưa cho P nhiều đợt với tổng số tiền là 22.000.000đ, khi nào nhận được ma túy thì V sẽ đưa thêm 8.000.000đ và hứa sẽ cho P ma túy đá để sử dụng hoặc cho tiền P. Sau khi nhận tiền từ V theo yêu cầu của N, P đã bỏ thêm vào 2.950.000đ và chuyển cho N tổng số tiền là 24.950.000đ, P chuyển tiền cho N thông qua số tài khoản cá nhân của chị Phạm Thị Thu H (là người chung sống như vợ chồng với Lê Bảo N) và thông qua số tài khoản của chị Nguyễn Thị N L là chủ tiệm điện thoại “N L” tại TP Đà Nẵng. Đêm ngày 28/01/2021 khi N nhận ma túy do Nguyễn Văn Đ mang từ Thanh Hóa vào Đà Nẵng tại số nhà 53 P, quận S, Tp Đà Nẵng thì cả Đ và N bị bắt quả tang, nên chưa kịp giao ma túy cho P.

- Ngoài ra, vào ngày 27/01/2021, P còn hỏi đặt mua từ N 1kg ma túy đá với giá 160.000.000 đồng giúp cho một người tên Việt, N đã thông báo cho T biết và T đã đồng ý bán và cho lại P 10.000.000 đồng, nhưng giao dịch không thành do P hủy không mua nữa.

Đối với Nguyễn Văn Đ khi được Hoàng Ngọc T rủ đi Đà Nẵng chơi và nhờ đem gói đồ vào Đà Nẵng Đ đã đồng ý, khi xe ô tô vào địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế được T gọi điện thoại nhắc nhở về việc cất giữ gói hàng, bị cáo đã biết, nhận thức rõ gói hàng T bỏ vào ba lô của Đ là ma túy nhưng vì được T hứa sau khi trở về từ Đà Nẵng sẽ cho vài chục triệu để trả nợ nên Đ đã đồng ý và tiếp tục vận chuyển số ma túy này vào Đà Nẵng giao cho Lê Bảo N tại số nhà 53 P, quận S, TP Đà Nẵng; khi đã giao nhận xong vừa bước ra khỏi cổng nhà của N thì cả Đ và N bị Công an quận S bắt quả tang cùng toàn bộ số chất ma túy trên.

Kết luận giám định về ma túy của cơ quan chức năng đã xác định, số chất ma túy trên gồm: 2.153,966gam ma túy loại Methamphetamine, 1.783,56gam ma túy loại Katemine và 137,377gam ma túy tổng hợp vừa Methamphetamine và Katemine; tổng trọng lượng các chất ma túy là 4,074,923gam.

Với hành vi phạm tội nêu trên của các bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Hoàng Ngọc T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự; bị cáo Phạm Nguyễn Tấn P về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội “Vận chuyển trái pháp chất ma túy” theo điểm h khoản 4 Điều 250 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Hành vi của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm, đã thực hiện tội

phạm đặc biệt nghiêm trọng đều có khung hình phạt từ 20 năm đến tù chung thân hoặc tử hình; các bị cáo đã vận chuyển và mua bán trái phép nhiều chủng loại ma túy khác nhau với khối lượng đặc biệt lớn; đều là các chất ma túy bị Nhà nước nghiêm cấm lưu hành và độc quyền quản lý. Các bị cáo đều nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, sẽ bị trừng trị nghiêm khắc, nhưng vì mục đích vụ lợi các bị cáo đã bất chấp quy định của pháp luật cố ý phạm tội. Hành vi của các bị cáo không những đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây nhiều hệ lụy xấu cho xã hội, ảnh hưởng cực kỳ xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, nên cần xử lý nghiêm minh để trừng trị các bị cáo và đề răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

- Trong vụ án này, bị cáo Hoàng Ngọc T là người giữ vai trò chính, là đầu mối cung cấp ma túy, là người trực tiếp giao ma túy cho Nguyễn Văn Đ mang vào Đà Nẵng giao cho Lê Bảo N để N bán cho Phạm Nguyễn Tấn P 200 gam và để N cất giữ số ma túy còn lại để tiếp tục bán, nên T phải chịu trách nhiệm hình sự đối với toàn bộ số chất ma túy thu giữ là 4,074,923gam. Xét thấy, bị cáo T mua bán trái phép chất ma túy với nhiều chủng loại khác nhau và với khối lượng đặc biệt lớn, lại là người rủ rê lôi kéo nhiều đồng phạm khác tham gia tội phạm; tội phạm bị cáo thực hiện đã hoàn thành. Bản thân bị cáo T có nhân thân xấu, phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, tức là đã có 1 tiền án về tội phạm rất nghiêm trọng chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội đặc biệt nghiêm trọng; lần phạm tội sau nghiêm trọng và nguy hiểm hơn lần phạm tội trước; là đối tượng thuộc diện theo dõi, quản lý của Công an huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã từng có nhiều tiền án khác nhau về các tội Cướp tài sản và Trộm cắp tài sản. Mặc dù trong giai đoạn sơ thẩm, bị cáo khai báo quanh co nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T khai nhận hành vi như bản án sơ thẩm quy kết, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nhưng do bị cáo thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy với số lượng đặc biệt lớn nên không thể giảm hình phạt cho bị cáo.

- Đối với Nguyễn Văn Đ, mặc dù đã nhận thức và biết được gói hàng bị cáo Hoàng Ngọc T nhờ mang vào Đà Nẵng là ma túy, nhưng vì vụ lợi được T hứa cho vài chục triệu đồng để trả nợ, bị cáo đã bất chấp quy định của pháp luật, nghe theo sự chỉ đạo, hướng dẫn của T vận chuyển trái phép chất ma túy đến cùng để giao ma túy cho Lê Bảo N tại nhà của N. Khối lượng và chủng loại ma túy mà bị cáo vận chuyển là đặc biệt lớn gồm nhiều loại ma túy khác nhau, bản thân bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với khối lượng 4,074,923gam ma túy các loại là Methamphetamine, Katemine, và hỗn hợp vừa Methamphetamine và Katemine; tội phạm mà bị cáo thực hiện đã hoàn thành; việc bị cáo khai tại phiên tòa chỉ khi bị bắt quả tang tại nhà N mới biết bên trong ba lô là ma túy là không có căn cứ. Quá trình điều tra bị cáo có thành khẩn khai báo; nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; gia đình bị cáo có nhiều thân nhân có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng huân huy chương kháng chiến, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và 2 Điều 51 Bộ luật hình sự mà bị cáo được hưởng. Nhưng xét tội phạm mà bị cáo thực hiện là

đặc biệt nghiêm trọng, đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, vận chuyển nhiều chủng loại ma túy và khối lượng ma túy đặc biệt lớn, tiếp tay cho hoạt động mua bán và lưu thông ma túy ra cộng đồng. Hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt đối với bị cáo là tương xứng với tính chất hành vi và hậu quả của vụ án.

- Đối với bị cáo Phạm Nguyễn Tấn P cũng quen biết với T và N trong thời gian chấp hành án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tại Trại giam An Điền, biết T và N có mối liên hệ về việc mua bán trái phép chất ma túy. Trong khoảng thời gian từ ngày 17/1/2021 đến ngày 27/01/2021 P đã nhiều lần hỏi đặt mua ma túy thuốc lắc và ma túy đá từ bị cáo N. Trong đó có lần đặt mua 200gam ma túy đá với giá 30.000.000 đồng từ N, đã giao tiền, chưa kịp nhận ma túy là do bị phát hiện bắt giữ ngăn chặn kịp thời, thuộc trường hợp tội phạm đã hoàn thành nhưng chưa đạt được mục đích do yếu tố khách quan; ngoài ra P còn 2 lần đặt mua ma túy với số lượng lớn từ N nhưng giao dịch không thành, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với khối lượng 200gam ma túy loại Methamphetamine. Bản thân bị cáo cũng có nhân thân xấu, đã từng có 1 tiền án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” đã được xóa án tích và nhiều lần bị tập trung cai nghiện bắt buộc, nên cũng cần phải xử phạt nghiêm khắc. Bị cáo khai báo thành khẩn nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; cha bị cáo có thành tích trong công tác nên được tặng Giấy khen nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với hành vi bị cáo nhiều lần cung cấp tin báo giúp cho Công an quận Hải Châu, TP Đà Nẵng triệt phá được 1 số vụ án liên quan đến ma túy được Công an quận Hải Châu có văn bản xác nhận (BL-510), đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nhưng Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là không đúng, tuy nhiên do tính chất hành vi và số lượng ma túy bị cáo mua bán rất lớn nên không thể giảm hình phạt cho bị cáo.

Từ những vấn đề phân tích và lập luận trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử vụ án có căn cứ và đúng pháp luật. Hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt đối với các bị cáo tương xứng với tính chất hành vi và hậu quả của vụ án, đáp ứng được yêu cầu trừng trị, răn đe và phòng ngừa trong việc đấu tranh phòng chống tội phạm ma túy trong giai đoạn hiện nay. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo Hoàng Ngọc T, Nguyễn Văn Đ và Phạm Nguyễn Tấn P, giữ nguyên Bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tại phiên tòa phúc thẩm.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hoàng Ngọc T, Nguyễn Văn Đ (tên gọi khác: Tèo) và Phạm Nguyễn Tấn P, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

1. Căn cứ: Điểm h khoản 4 Điều 251, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 2 Điều 51, Điều 40 Bộ luật hình sự; Xử phạt: Hoàng Ngọc T Tử hình về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Căn cứ: Điểm h khoản 4 Điều 250, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 40 Bộ luật hình sự; Xử phạt: Nguyễn Văn Đ Tử hình về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”.

- Căn cứ khoản 4 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tiếp tục tạm giam bị cáo Hoàng Ngọc T và Nguyễn Văn Đ để đảm bảo việc thi hành án.

Trong thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay, các bị cáo Hoàng Ngọc T, Nguyễn Văn Đ có quyền làm đơn gửi Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam để xin ân giảm án tử hình.

3. Căn cứ: Điểm b khoản 4 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự; Xử phạt: Phạm Nguyễn Tấn P 20 (Hai mươi) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giam ngày 05/7/2021.

Về án phí phúc thẩm hình sự: Các bị cáo Hoàng Ngọc T, Nguyễn Văn Đ và Phạm Nguyễn Tấn P, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao – Vụ GDKT I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT, Phòng HSNV-CA thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSTHAHS-CA thành phố Đà Nẵng;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HSA; LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Cường